

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31 /2019/HNGĐ-ST

Ngày: 27-9-2019

V/v: Tranh chấp Hôn nhân - gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Bà Nguyễn Thị Hải Lý

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Nghĩa.

2. Bà Phạm Thị Láng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tho - Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Vân Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 145/2019/TLST- HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2019 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2019/QĐXX - ST ngày 29 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2019/QĐST- HNGĐ ngày 16 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị H, sinh năm 1989;

Nơi ĐKKHKT: Xóm x, thôn Đ, xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình.

Chỗ ở hiện nay: Xóm x, Thôn L, xã M, huyện V, tỉnh Thái Bình.

- Bị đơn: Anh Trần Ngọc T, sinh năm 1991;

Nơi ĐKKHKT: Xóm x, thôn Đ, xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình.

(Chị H có mặt; anh T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện đề ngày 09/7/2019, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Đỗ Thị H trình bày:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Ngọc T kết hôn tự nguyện, có tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình vào ngày 01/12/2014. Quá trình chung sống, vợ chồng hòa thuận hạnh phúc được đến cuối năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng thiếu tin tưởng lẫn nhau, kinh tế thì ai làm người đó chi tiêu, không liên quan đến nhau. Anh T còn không quan tâm đến vợ con và gia đình. Vì vậy mà mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng. Bản thân chị đã cho anh T cơ hội, gia đình hai bên đã khuyên bảo, động viên anh T nhiều lần nhưng mâu thuẫn giữa anh chị không giải quyết được. Chị đã phải về nhà mẹ đẻ ở xóm x, Thôn L, xã M, huyện V, tỉnh Thái Bình và sống ly thân anh T từ tháng 9/2017 đến nay. Vợ chồng không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định tình cảm giữa chị và anh T không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

1.2. Về quan hệ con chung: Chị và anh Trung có 01 con chung là Trần Đỗ Gia H, sinh ngày 06/9/2017. Ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con hàng tháng. Hiện nay, cháu H đang ở với chị tại gia đình bố mẹ đẻ chị. Chị làm nghề may, thu nhập một tháng 6.000.000 đồng. Chị có đủ điều kiện kinh tế để nuôi con. Bố mẹ chị hiện đều còn khỏe mạnh và cũng phụ giúp chị chăm sóc và nuôi dưỡng cháu H.

1.3. Về quan hệ tài sản: Chị và anh T không có tài sản gì chung; không vay nợ chung và không cho ai vay nợ chung tài sản gì. Ruộng cấy không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh Trần Ngọc T nhiều lần nhưng anh T không có mặt tại Tòa án để nộp bản tự khai và trình bày quan điểm của mình đối với yêu cầu của chị H. Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, anh T cũng vắng mặt không lý do. Vì vậy, anh T không thể hiện quan điểm của mình trong vụ án.

3. Tại biên bản lấy lời khai của người làm chứng là bà Phạm Thị L, sinh năm 1963. Nơi cư trú: xóm x, thôn L, xã M, huyện V, tỉnh Thái Bình (là mẹ đẻ chị H) thể hiện:

Về thời gian, điều kiện kết hôn, thời điểm và nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh T đúng như chị H trình bày. Nay chị H làm đơn xin ly hôn anh T, bà đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của chị H vì anh chị cũng không có khả năng đoàn tụ. Về quan hệ con chung: Bà đề nghị Tòa án giao cháu H cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng vì hiện tại cháu đang ở với chị Hà và gia đình bà, chị H chăm sóc rất tốt cho cháu H. Về quan hệ tài sản: Bà L cũng trình bày như lời trình bày của chị H.

- Tại Biên bản lấy lời khai của người làm chứng là ông Trần Văn B, sinh năm 1949. Nơi cư trú: thôn Đ, xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình (là bố đẻ của anh Trần Ngọc T) thể hiện: Về thời gian, điều kiện kết hôn giữa chị H và anh T đúng như chị H đã trình bày. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống với nhau tại gia đình ông được một thời gian, đến cuối năm 2017 thì chuyển về nhà bố mẹ đẻ chị H. Quá trình chung sống, giữa chị H và anh T xảy ra mâu thuẫn như thế nào ông không rõ vì anh T không tâm sự với gia đình ông. Khoảng mấy tháng trở lại đây, anh T đi làm ăn và anh chị sống ly thân nhau. Nay chị H xin ly hôn anh T, bản thân ông mong muốn anh chị đoàn tụ nhưng nếu chị H đã kiên quyết xin ly hôn ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về quan hệ con chung: Ông đề nghị Tòa án tiếp tục giao con cho chị H nuôi dưỡng. Về quan hệ tài sản: Ông B cũng trình bày như lời trình bày của chị H.

4. Về việc thông báo các văn bản tố tụng của Tòa án gửi cho anh T, ông B trình bày: Anh T hiện đi làm ăn xa nhà nên không về Tòa án làm việc được. Các văn bản tố tụng mà Tòa án giao cho anh T, ông đã nhận đầy đủ và thông báo ngay cho anh T sau mỗi lần nhận được văn bản của Tòa án. Anh T cũng đã biết việc Tòa án nhân dân huyện V thụ lý giải quyết vụ án hôn nhân gia đình giữa anh và chị H nhưng vì công việc bận mải, anh T không về giải quyết được, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

5. Qua xác minh tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, đại diện UBND xã cung cấp như sau: Quá trình chung sống, vợ chồng chị H, anh T xảy ra mâu thuẫn như thế nào và nguyên nhân do đâu địa phương không nắm được cụ thể. Gia đình anh T thuộc diện khó khăn tại địa phương. Nay chị H xin ly hôn anh T, địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung: Đề nghị Tòa án xem xét giao con chung theo nguyện vọng của hai bên. Về tài sản: Địa phương cũng cung cấp như lời trình bày của chị H.

**** Tại phiên tòa đại diện VKSND huyện V phát biểu quan điểm:***

1. Về tố tụng: Thẩm phán và HĐXX, nguyên đơn thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì.

2. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58; Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Luật

hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, Điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 đề nghị :

- Quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đỗ Thị H được ly hôn anh Trần Ngọc T.
- Quan hệ con chung: Xử giao con Trần Đỗ Gia H, sinh ngày 06/9/2017 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận việc chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con hàng tháng.
- Quan hệ tài sản: Tách ra giải quyết sau khi có yêu cầu.
- Án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, cũng như thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng: Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung:

[1]. **Quan hệ hôn nhân:** Chị Đỗ Thị H và anh Trần Ngọc T đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình ngày 01/12/2014 là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nhưng anh chị không thông cảm, bỏ qua được cho nhau và cũng không có biện pháp phù hợp để cải thiện tình cảm vợ chồng nên mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng. Chị H đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ ở từ tháng 9/2017 đến nay và anh chị sống ly thân nhau.

Trong quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án, anh T đã được triệu tập nhiều lần nhưng anh T không đến Tòa án làm việc, cũng không thể hiện quan điểm của anh T đối với yêu cầu của chị H. Điều này chứng tỏ anh T không thực sự mong muốn vợ chồng được đoàn tụ.

Qua xác minh tại UBND xã T và lấy lời khai của đại diện gia đình chị H, anh T cũng thể hiện: Giữa chị H và anh T có xảy ra mâu thuẫn và anh chị không tìm được biện pháp giải quyết.

Xét thực trạng quan hệ vợ chồng của chị H và anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì

vậy căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định xử cho chị Đỗ Thị H được ly hôn anh Trần Ngọc T.

[2]. Quan hệ con chung: Chị Đỗ Thị H và anh Trần Ngọc T có 01 con chung. Ly hôn, chị H có nguyện vọng được nuôi con và không đặt ra yêu cầu cấp dưỡng. Quá trình giải quyết vụ án, anh T không đến tòa án nên không thể hiện quan điểm về vấn đề con chung.

Xét điều kiện hiện tại của chị H thì thấy: Chị H có công việc và có thu nhập. Công việc của chị lại làm gần nhà, cháu H cũng học tập tại trường học ở gần nên chị có điều kiện chăm sóc tốt cho con hơn. Anh T đi làm ăn xa, thỉnh thoảng mới về nhà nên không có điều kiện về thời gian để chăm lo cho con. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con chung, cần căn cứ vào điều 81, 82, 83, 84 - Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, cần giao con chung cho chị H nuôi dưỡng là phù hợp và chấp nhận việc chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con hàng tháng. Anh T có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con được đặt ra khi có yêu cầu.

[3]. Quan hệ tài sản: Do không có lời trình bày của anh T nên cần tách ra giải quyết sau khi có yêu cầu.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị H phải chịu 300.000 đồng.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điều 39 Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 - Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 ; Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 - Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý án phí, lệ phí Tòa án:

1. Quan hệ hôn nhân: Xử cho Đỗ Thị H được ly hôn anh Trần Ngọc T.

2. Quan hệ con chung: Xử giao con Trần Đỗ Gia H, sinh ngày 06/9/2017 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận việc chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con hàng tháng. Anh T có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con

chung. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con được đặt ra khi có yêu cầu.

3. Quan hệ tài sản: Tách ra giải quyết sau khi có yêu cầu.

4. Án phí: Chị Đỗ Thị H phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000đồng chị H đã nộp tại biên lai số 0003481 ngày 16/7/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V thành tiền án phí.

Án tuyên công khai sơ thẩm, có mặt chị H. Báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án 27/9/2019.

Vắng mặt anh Trần Ngọc T, báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận :

- VKS nhân dân huyện V;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện V;
- Các đương sự;
- UBND xã T, huyện V;
- TAND tỉnh Thái Bình;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu HCTP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)